

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong sách *Ngữ văn 6*, chủ yếu là tập hai, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp em tự đánh giá kết quả học tập cuối năm.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Thống kê tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai.

Câu 2. Nêu nội dung chính của các bài đọc hiểu trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai theo mẫu sau:

M *Luộm* (Tố Hữu): Hình ảnh hồn nhiên, dũng cảm của chú bé liên lạc và tình cảm sâu nặng của nhà thơ với chú bé.

Câu 3. Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc truyện (truyện đồng thoại, truyện của An-đéc-xen và Pu-skin, truyện ngắn); thơ có yếu tố tự sự, miêu tả; văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

M Văn bản nghị luận:

– Xác định và đánh giá được ý kiến, lí lẽ và bằng chứng nêu trong văn bản.

– ...

Câu 4. Thống kê các văn bản văn học (truyện, thơ) đã học ở hai tập sách *Ngữ văn 6*; từ đó, nhận xét sự khác biệt về **đặc điểm hình thức** của mỗi thể loại ở hai tập sách (Gợi ý: Sự khác biệt về đặc điểm hình thức của thơ là tập một tập trung vào thơ lục bát, tập hai tập trung vào thơ có yếu tố tự sự, miêu tả).

Câu 5. Thống kê các văn bản nghị luận và văn bản thông tin đã học ở hai tập sách *Ngữ văn 6*; từ đó, nhận xét sự khác biệt về **nội dung đề tài** của mỗi loại văn bản ở hai tập sách (Gợi ý: Sự khác biệt về nội dung đề tài của văn bản nghị luận là ở *Ngữ văn 6*, tập một học về nghị luận văn học, *Ngữ văn 6*, tập hai học về nghị luận xã hội).

VIẾT

Câu 6. Thống kê tên các kiểu văn bản đã được luyện viết trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai.

Câu 7. Nêu và chỉ ra mối quan hệ giữa các nội dung đọc hiểu và yêu cầu viết trong các bài ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai.


Câu 8. Chỉ ra ý nghĩa và tác dụng của việc tạo lập một văn bản có minh họa hình ảnh, bảng biểu, đồ thị,... (văn bản đa phương thức).

NÓI VÀ NGHE

Câu 9. Nêu các yêu cầu rèn luyện kỹ năng nói và nghe ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai. Các yêu cầu này có mối quan hệ thế nào với yêu cầu đọc và viết?

TIẾNG VIỆT

Câu 10. Các nội dung tiếng Việt được học trong sách *Ngữ văn 6*, tập hai là những nội dung nào?

 – Bài 6: Mở rộng chủ ngữ bằng cụm từ.

– ...

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung

Kiểm tra, đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức tiếng Việt và văn học đã học vào việc đọc hiểu và viết văn bản. Các kiến thức và kĩ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học cả về nội dung, hình thức và độ khó; khuyến khích sự sáng tạo của học sinh trong ý tưởng và thể hiện, trình bày.

Hình thức

a) Đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học (văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin). Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và viết câu trả lời ngắn. Các câu hỏi tập trung kiểm tra sự vận dụng kiến thức văn học và tiếng Việt đã học trong học kì II.

b) Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức tương tự như các kiểu văn bản đã được học, gồm: tự sự, miêu tả, nghị luận, thuyết minh, biểu cảm.

TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

I. Đọc hiểu

a) Đọc đoạn trích sau và chọn một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 6):

Tôi sống độc lập từ thuở bé. Ấy là tục lệ lâu đời trong họ nhà đẻ chúng tôi. Vả lại, mẹ thường bảo chúng tôi rằng: “Phải như thế để các con biết kiếm ăn một mình cho quen đi. Con cái mà cứ nhong nhong ăn bám vào bố mẹ thì chỉ sinh ra tính ỷ lại, xấu lắm, rồi ra đời không làm nên trò trống gì đâu.”. Bởi thế, lúa sinh nào cũng vậy, đẻ xong là bố mẹ thu xếp cho con cái ra ở riêng. Lúa sinh ấy, chúng tôi có cả thầy ba anh em. Ba anh em chúng tôi chỉ ở với mẹ ba hôm. Tối hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đưa tôi tấp tễnh,

khấp khởi, nửa lo nửa vui theo sau. Mẹ dẫn chúng tôi đi và mẹ đem đặt mỗi đứa vào một cái hang đất ở bờ ruộng phía bên kia, chỗ trông ra đầm nước mà không biết mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tinh tươm thành hang, thành nhà cho chúng tôi từ bao giờ. Tôi là em út, bé nhất nên được mẹ tôi sau khi dắt vào hang, lại bỏ theo một ít ngọn cỏ non trước cửa, để tôi nếu có bỡ ngỡ, thì đã có ít thức ăn sẵn trong vài ngày.

Rồi mẹ tôi trở về.

Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn thấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Tôi vừa thăm cảm ơn mẹ, vừa sạo sục thăm tất cả các hang mẹ đưa đến ở. Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ở ngoài cửa và ngửng mặt lên trời. Qua những ngọn cỏ ấu nhọn và sắc, tôi thấy màu trời trong xanh. Tôi dọn giọng, vỗ đôi cánh nhỏ tới nách, rồi cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to.

(Trích *Đế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài)

1. Phương án nào nêu đúng thông tin về đoạn trích?
 - A. Là truyện các nhà văn viết cho thiếu nhi
 - B. Là truyện lấy loài vật làm nhân vật và miêu tả chúng như con người
 - C. Là truyện ngắn hiện đại viết sau Cách mạng tháng Tám 1945
 - D. Là truyện do nhà văn Tô Hoài viết sau năm 1945
2. Trong đoạn trích, người kể theo ngôi thứ mấy?
 - A. Ngôi thứ ba
 - B. Ngôi thứ nhất
 - C. Ngôi thứ nhất số nhiều
 - D. Ngôi thứ hai
3. Phương án nào nêu đúng chi tiết giúp người đọc nhận ra loài đế?
 - A. Luôn sống độc lập từ khi còn bé
 - B. Thích ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ
 - C. Sống trong hang đất ở bờ ruộng; ăn cỏ non
 - D. Để xong là bố mẹ cho con cái ra ở riêng
4. Trạng ngữ “Tối hôm thứ ba” trong câu “Tối hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đưa tôi tấp tễnh, khấp khởi, nửa lo nửa vui theo sau.” trả lời cho câu hỏi nào?
 - A. Ở đâu?
 - B. Để làm gì?
 - C. Khi nào?
 - D. Như thế nào?
5. Câu nào tóm tắt đúng ý chính của đoạn trích?
 - A. Nhân vật “tôi” kể về những anh em họ hàng nhà mình.
 - B. Nhân vật “tôi” kể về hoàn cảnh gia đình mình khi mới sinh ra.
 - C. Nhân vật “tôi” kể về việc cha mẹ cho ra ở riêng.
 - D. Nhân vật “tôi” kể về cái hang và thức ăn của mình.

6. Phương án nào nêu đúng tính cách của nhân vật “tôi” trong đoạn trích?

- A. Thích sống độc lập
- B. Thích ỷ lại
- C. Thích được mẹ chăm sóc
- D. Thích vỗ đôi cánh nhỏ

b) Đọc đoạn trích sau và chọn một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 7 đến câu 10):

Các loài vật trong tự nhiên không chỉ đơn thuần là các sinh vật vô tri, những khối xương, khối thịt để chúng ta khai thác cạn kiệt. Đó là các sản phẩm tuyệt vời của tự nhiên, sau nhiều triệu năm tiến hoá mới tạo ra được. Chúng góp phần làm cho cuộc sống trở nên phong phú hơn. Hãy thử tưởng tượng, một ngày chúng ta uống một lon bia Tai-gơ (Tiger) in hình con hổ mà không biết con hổ thực như thế nào. Đứa con yêu mến của bạn tô màu trên bức tranh loài tê giác mà thực tế chúng không bao giờ có cơ hội được nhìn thấy ngoài đời thực.

Quan trọng không kém, bảo tồn các loài động vật hoang dã, quý hiếm còn để duy trì sự cân bằng của sinh thái. Tự nhiên vốn có các quy luật tồn tại và vận hành, để đảm bảo các hệ sinh thái là những hệ thống hoàn chỉnh. Chu trình này hỗ trợ chu trình kia. Sự có mặt của loài này trợ giúp hoặc kìm hãm loài kia nhằm đảm bảo sự cân bằng tối ưu. Khi một loài bị tiêu diệt, có thể sẽ kéo theo sự mất cân bằng, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, từ cục bộ cho đến tất cả các hệ sinh thái và cuối cùng là cả Trái Đất. Khi các hệ sinh thái mất cân bằng, con người đương nhiên sẽ gánh chịu mọi hậu quả.

Đến đây, chúng ta có thể phần nào nhận thấy lí do vì sao phải thực hiện các biện pháp bảo tồn các loài động vật quý hiếm.

(Theo Nam Nguyễn – vnexpress.net)

7. Phương án nào trả lời được câu hỏi vì sao đoạn trích trên là văn bản nghị luận?

- A. Nêu lên các lí do nhằm thuyết phục mọi người bảo vệ động vật hoang dã
- B. Nêu lên các ví dụ về sự quý hiếm của các loài động vật hoang dã
- C. Nêu lên và miêu tả cụ thể các loài động vật hoang dã
- D. Nêu lên ý nghĩa của các biện pháp bảo vệ động vật hoang dã

8. Câu nào sau đây có chủ ngữ được mở rộng?

- A. Đó là các sản phẩm tuyệt vời của tự nhiên.
- B. Chúng góp phần làm cho cuộc sống trở nên phong phú hơn.
- C. Đứa con yêu mến của bạn tô màu trên bức tranh loài tê giác.
- D. Tự nhiên vốn có các quy luật tồn tại và vận hành.

9. Đoạn trích trên nêu lên mấy lí do cần bảo vệ động vật hoang dã?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

10. Liệt kê các lí do mà em đã xác định (ở câu 9), mỗi lí do trình bày trong một câu văn ngắn gọn.

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau và viết thành bài văn ngắn (khoảng 2 trang):

Đề 1: Giới thiệu một nhân vật có tấm lòng nhân hậu trong các văn bản truyện đã học ở sách *Ngữ văn 6*, tập hai và nêu lí do vì sao em thích nhân vật này.

Đề 2: Có ý kiến cho rằng việc nuôi chó, mèo trong nhà không những không có tác dụng gì mà còn mất vệ sinh, thậm chí có khi nguy hiểm. Em có tán thành suy nghĩ này không? Hãy nêu ý kiến của em và đưa ra các lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến ấy.

